

MÔN MỸ THUẬT LỚP 8
(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 06/11/2021)

VẼ TRANH
BÀI 7: VẼ TRANH ĐỀ TÀI NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11

Tiết 1: Lý thuyết-từ ngày 25/10/2021 đến 30/10/2021

Tiết 2: Thực hành-từ ngày 01/10/2021 đến 06/10/2021-các em không ghi lại phần lý thuyết, chỉ tập trung phần thực hành để hoàn thành bài vẽ.

A-LÝ THUYẾT

I/ TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG:

(Phần nội dung này các em đọc hiểu để vận dụng không cần ghi vào tập)

- Ngày nhà giáo Việt Nam là một trong những ngày trang trọng nhất của ngành giáo dục nói chung. Vào ngày này có rất nhiều sự kiện diễn ra để tôn vinh Nhà giáo, học sinh cũng có nhiều trải nghiệm và có những cơ hội thể hiện tình cảm của mình với Thầy Cô. Một trong những hoạt động nổi trội nhất chính là vẽ tranh đề tài 20/11.
- Vậy ta có thể vẽ những nội dung sau:
 - Hs tặng hoa chúc mừng Thầy Cô.
 - Dự lễ ngày 20/11 dưới sân trường cùng bạn bè và Thầy cô.
 - Văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.
 - Đến thăm Thầy Cô giáo cũ.
 -

II/ CÁCH VẼ:

- Chọn một nội dung để vẽ.
- Sắp xếp bố cục: mảng hình chính và phụ.
- Vẽ phác hình bằng nét thẳng.
- Vẽ chi tiết để hoàn thành phần vẽ hình.
- Vẽ màu.

B-BÀI TẬP

EM HÃY VẼ 1 BỨC TRANH ĐỀ TÀI NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11 TRÊN GIẤY A4
(KIỂM TRA GIỮA KỲ: Hs làm bài và nộp lại cho GVBM)

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ: -GVBM Ka Hoàng Phương Thảo 0979410097

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

Tiết 8: Kiểm tra giữa HKI

A. CÂU HỎI LÝ THUYẾT (vấn đáp)

1. Dân ca là gì? Sưu tầm thêm các thể loại dân ca Việt Nam.
2. Kể tên một số bài dân ca Nam Bộ mà em biết.
3. Theo em cần làm gì để giữ gìn và phát huy dân ca Việt Nam.
4. Nêu định nghĩa gam thứ.
5. Hãy nêu những nét chính về cuộc đời và những đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam của nhạc sĩ Hoàng Vân.
6. Nêu cảm nhận của em về bài hát “Hò kéo pháo”.
7. Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước trong giai đoạn hiện nay.
8. Nêu định nghĩa giọng thứ.
9. Hãy nêu những nét chính về cuộc đời và những đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam của nhạc sĩ Trần Hoàn.
10. Nêu cảm nhận của em sau khi học hát bài “Mùa thu ngày khai trường”.

B. THỰC HÀNH

Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát:

- Mùa thu ngày khai trường
- Lí đĩa bánh bò

Đọc nhạc kết hợp gõ phách:

- TĐN số 1
- TĐN số 2

**ĐỐI VỚI HỌC SINH KHÔNG CÓ THIẾT BỊ HỌC ONLINE, CÁC EM
LÀM BÀI TRÊN GIẤY VÀ GỬI VỀ GIÁO VIÊN**

KIỂM TRA GIỮA KỲ - KHỐI 8

Thời gian làm bài: 45 phút

A. CÂU HỎI LÝ THUYẾT

1. Em hãy nêu định nghĩa gam thứ, giọng thứ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu cảm nhận của em về bài hát “Hò kéo pháo”. Theo em cần làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước trong giai đoạn hiện nay.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

B. THỰC HÀNH

Em hãy xác định tên nốt cho bài đọc nhạc sau đây (*làm ngay bên dưới các nốt*)



Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Mai Trâm SDT: 0909635678

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021-30/10/2021)

ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM

I. Bảng thống kê những văn bản truyện kí Việt Nam:

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật – Phương thức biểu đạt
Tôi đi học (1941)	Thanh Tịnh (1911-1988)	Truyện ngắn	- Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên đi học.	- Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Nghệ thuật so sánh.
Trong lòng mẹ (Những ngày thơ ấu) 1940	Nguyễn Hồng (1918-1982)	Hồi kí	- Nỗi đắng cay, tủi cực và tình yêu mẹ mãnh liệt của bé Hồng khi xa mẹ và ở trong lòng mẹ.	- Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Diễn biến tâm lí nhân vật: cảm xúc nồng nàn, mãnh liệt - Hình ảnh so sánh, liên tưởng táo bạo.
Tức nước vỡ bờ (Tắt đèn) 1939	Ngô Tất Tố (1893-1954)	Tiểu thuyết	- Vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của chế độ phong kiến. - Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo. - Ca ngợi phẩm chất cao quý, sức mạnh tiềm tàng, phản kháng mạnh mẽ của chị Dậu - người phụ nữ nông dân trước CMT8.	- Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, cao trào và giải quyết hợp lí. Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản của các nhân vật - Ngôi bút hiện thực khoẻ khoắn, sâu sắc.

Lão Hạc (Lão Hạc) 1943	Nam Cao (1915-1951)	Truyện ngắn	- Số phận đau thương và phẩm chất cao đẹp của nông dân trước cách mạng - Thái độ trân trọng của tác giả với họ.	- Tự sự kết hợp miêu tả, cảm xúc - Cách miêu tả, khắc hoạ tính cách nhân vật qua nghệ thuật kể chuyện, phân tích diễn biến tâm lí nhân vật. - Ngôn ngữ kể chuyện chân thực, giản dị, tự nhiên, đậm đà chất nông thôn...
-------------------------------------	------------------------	-------------	--	---

II. Điểm giống nhau và khác nhau của các đoạn trích: Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc.

1. Giống nhau:

- Thể loại: Đây là văn tự sự, truyện kí hiện đại giai đoạn 1930 – 1945.
- Đề tài: Đây lấy đề tài về con người và cuộc sống xã hội đương thời của tác giả.
- Số phận của những con người cực khổ bị xã hội thực dân nửa phong kiến vùi dập.
- Giá trị hiện thực: Phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam trước năm 1945.
- Điều chan chứa tinh thần nhân đạo (yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất tốt đẹp, tố cáo những gì xấu xa, tàn ác).
- Nghệ thuật kể chuyện và miêu tả sinh động, chân thật.

2. Khác nhau:

Mỗi văn bản có những nét đặc trưng riêng (Xem bảng thống kê)

3. Các nhân vật chính và các đoạn văn đặc sắc:

a. Nhân vật:

- Nhân vật bé Hồng: Lòng thương mẹ vô bờ.
- Nhân vật chị Dậu: Là hình ảnh đẹp về người phụ nữ VN.
- Nhân vật lão Hạc: Hình ảnh người cha thương con hết mực và nhân cách cao thượng.

b. Đoạn văn đặc sắc:

- Đoạn bé Hồng ở trong lòng mẹ.
- Đoạn chị Dậu đánh tên Cai lệ.
- Đoạn tâm trạng của lão Hạc khi bán chó.
- Đoạn cái chết dữ dội của lão Hạc.

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

I. Đọc - hiểu chú thích:

- Văn bản nhật dụng
- Phương thức biểu đạt: thuyết minh một vấn đề xã hội.

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Lí do ra đời bản thông điệp:

- + Ngày 22- 4 hàng năm là ngày Trái Đất.
 - + Có 141 nước tham gia.
 - + Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.
- => Thế giới rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường Trái Đất, trong đó có Việt Nam.

2. Tác hại và biện pháp hạn chế tác hại của bao ni lông.

a. Tác hại

- * Với môi trường: bởi đặc tính không phân hủy của plastic (nguyên nhân cơ bản).
 - + Lẫn vào đất -> cản trở thực vật phát triển -> gây xói mòn.
 - + Vứt xuống cống -> tắc cống -> ngập lụt.
 - + Trôi ra biển -> làm chết sinh vật.
- => Ảnh hưởng nghiêm trọng tới thực vật, động vật, ô nhiễm môi trường sống.
- * Với con người:
 - + cống tắc -> muỗi phát sinh -> dịch bệnh.
 - + ni lông màu -> ô nhiễm thực phẩm -> hại cho não, ung thư phổi.
 - + Đốt ni lông -> ngộ độc, khó thở, giảm miễn dịch, dị tật,...
- => Gây nguy hiểm nghiêm trọng tới sức khỏe con người.
- Nghệ thuật:
 - + sử dụng phép liệt kê
 - + lí lẽ phân tích thực tế, khoa học
- Bao bì ni lông ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của cuộc sống.
- => Thuyết minh bằng các số liệu, giới thiệu từ khái quát đến cụ thể, ngắn gọn, vấn đề khoa học sáng rõ, dễ hiểu, thuyết phục.

b. Các biện pháp hạn chế tác hại của bao ni lông:

- Giảm tải tối đa việc dùng bao bì ni lông.
 - Dùng giấy, lá gói thực phẩm
 - Giặt bao bì ni lông đã dùng để tái sử dụng
 - Tuyên truyền, vận động mọi người...
- => Biện pháp đưa ra thuyết phục, khả thi, hữu hiệu cho việc bảo vệ môi trường.

3. Lời kêu gọi mọi người:

- Hãy bảo vệ Trái Đất...
 - Hãy cùng nhau hành động:
- “MỘT NGÀY KHÔNG DÙNG BAO BÌ NI LÔNG”**
- Ngắn gọn, rõ ràng, thuyết phục mọi người.
- Cách trình bày: nhắc lại chủ đề ấn tượng (cách nói trang trọng).

III. Ghi nhớ: sgk

IV. Luyện tập

(*) Sau khi học xong văn bản này, em rút ra bài học gì cho bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường?

Gợi ý trả lời:

- Phải bảo vệ Trái Đất, bảo vệ môi trường bằng cách không vứt rác bừa bãi, hạn chế dùng bao ni lông.
 - Tham gia tích cực và các phong trào: trồng cây gây rừng, thực hiện tốt phong trào Xanh, sạch, đẹp ở nhà trường và nơi sinh sống.
 - Tuyên truyền vận động gia đình, hàng xóm cùng thực hiện.
 - Học sinh có thể làm túi xách bằng giấy thay thế cho túi ni lông.
-
-

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I. Tìm hiểu nói giảm nói tránh và tác dụng:

*** Ví dụ 1:** Sgk tr.107

- đi, chẳng còn -> đều nói về cái chết
- > Dùng từ đồng nghĩa để giảm nhẹ, tránh sự đau buồn.

*** Ví dụ 2:** Sgk tr.108

- Bầu sữa -> Tránh thô tục, tăng cảm giác êm dịu.
- Tử thi, tiểu tện, vệ sinh...
- > Chọn lọc, dùng từ Hán Việt có sắc thái biểu cảm cao để tránh thô tục, ghê sợ.

*** Ví dụ 3:**

- Con dạo này *không được chăm chỉ lắm*.
- > Dùng từ trái nghĩa để nhận xét tạo sự tế nhị, nhẹ nhàng.

*** Ví dụ 4:**

- Bệnh tình của ông ấy không khả quan, không lâu đâu...
- > Dùng cách nói rút gọn, lược bỏ bớt từ ngữ
- => Biện pháp nghệ thuật nói giảm nói tránh

(*) Lưu ý: Không nói giảm nói tránh khi:

- Cần phê bình nghiêm khắc, nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.
- Cần thông tin chính xác, trung thực.

II. Ghi nhớ: sgk/ 108

II. Luyện tập

Bài 1, 2: GV cùng HS thực hiện trên lớp

Bài 3: Vận dụng cách nói giảm, nói tránh cho những câu sau và cho biết em đã dùng cách gì để nói giảm nói tránh ?

a. Ông ấy ăn cắp tài sản của nhà nước.

.....

..

.....

...

b. Cái nón của bạn xấu quá.

.....
.....
.....

2. Em hãy cho biết bao bì ni lông có tác hại như thế nào đến môi trường và đến đời sống con người?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Em hãy nêu một số giải pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hoạt động 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Viết một đoạn văn ngắn (6- 8 dòng) chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh?

[illegible]

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Thầy Nê: 0978666893

Cô Trang: 0987585849

Cô Dung: 0339239484

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 8 – TUẦN 8

(Từ 25/10/2021 đến 30/10/2021)

I/ Mở Đầu:

1. **Nhận lớp:** Giáo viên nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học.
2. **Khởi động:**
Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, xoay hông, xoay gối, ép dọc, ép ngang (học sinh xem video).
3. **Kiểm tra bài cũ:**
Giáo viên gọi 4 học sinh lên thực hiện kỹ thuật động tác từ nhịp 1 – 35.

II/ Cơ Bản:

1. Bài Thể dục:

Ôn và hoàn thiện bài thể dục phát triển chung lớp 8 (từ nhịp 1 – 35): Học sinh ôn giáo viên quan sát sửa sai cho học sinh.

2. Chạy cự li ngắn:

a. Ôn:

- * Cách đo và cách đóng bàn đạp: Học sinh học thuộc và nắm vững kiến thức cách đo và cách đóng bàn đạp.
- * Một số động tác bổ trợ đã học ở lớp 6,7: Học sinh thực hiện tại chỗ mỗi động tác 2 lần x 30 giây:
 - Chạy bước nhỏ.
 - Chạy gót chạm hông.
 - Chạy nâng cao đùi.
 - Chạy đạp sau
 - Tư thế đứng mặt hướng chạy – xuất phát.

- Tư thế đứng vai hướng chạy – xuất phát.
- Tư thế đứng lưng hướng chạy – xuất phát.

* Một số tư thế xuất phát đã học ở lớp 6,7:

- Tư thế ngồi – xuất phát:

+ Chuẩn bị: Ngồi, mũi bàn chân trước sát vạch xuất phát, mũi bàn chân sau cách gót chân trước khoảng 5 - 10 cm. Hai bàn chân chạm đất bằng nửa bàn chân trước, thân hơi ngả ra trước, hai tay chạm đất hoặc duỗi tự nhiên.

+ Động tác: Khi có lệnh xuất phát, nhanh chóng đạp mạnh chân xuống đường chạy, nhô người lên, xuất phát và chạy nhanh về trước, hai tay phối hợp tự nhiên.



- Tư thế xuất phát cao – chạy nhanh 60 m:

+ Khi nghe lệnh “vào chỗ” người chạy tiến đến vạch xuất phát đứng chân trước chân sau, trọng tâm dồn vào chân trước, chân sau kiễng gót, hai tay buông tự nhiên, mắt nhìn thẳng phía trước.

+ Khi nghe lệnh “sẵn sàng” thân trên cúi về trước, khuỷu gối, chân này tay kia, mắt nhìn trước 2 - 3m.

+ Khi nghe lệnh “chạy” thì chân sau bước về trước một bước đánh tay tự nhiên và chạy về phía trước đến khi về vạch đích.



b. củng cố:

Giáo viên gọi 2 em thực hiện tốt, 2 em thực hiện sai kỹ thuật lên thực hiện cho cả lớp xem và nêu ra những sai lầm thường mắc phải. Sau đó cho cả lớp nhận xét và giáo viên chỉ dẫn sửa sai để các em tự tập ở nhà.

III/ Kết Thúc:

- Thả lỏng: Đứng tại chỗ làm các động tác gập thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.
- Giáo viên nhận xét, biểu dương những học sinh tập luyện tích cực, nhắc nhở những học sinh chưa tốt.
- Đánh giá kết quả giờ học.
- Giao bài tập về nhà, xuống lớp.

***BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE MÙA DỊCH:**

Chạy bền: Chạy tại chỗ hoặc nhảy dây từ 3 đến 8 phút.

❖ Phiếu học tập:

* Các em ôn và tập luyện bài thể dục phát triển chung lớp 8 từ nhịp 1 – nhịp 35 thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác một cách chính xác. Tuần sau tiếp tục kiểm tra thường xuyên và ôn tập toàn bài.

- Thường xuyên luyện tập bài tập phát triển thể lực và nâng cao sức khỏe.
- Các em trả lời câu hỏi lý thuyết sau:
Câu 1: Em hãy trình bày tư thế ngồi – xuất phát?
Câu 2: Em hãy trình bày tư thế xuất phát – chạy nhanh 60 m?

*LƯU Ý: Những học sinh không có thiết bị học tập trực tuyến thì các em trả lời câu hỏi lý thuyết vào giấy kiểm tra để lấy điểm kiểm tra 15 phút.

HẾT

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

TIẾT 8: ÔN TẬP

A. LÝ THUYẾT

Câu 1: Châu Á không tiếp giáp đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Bắc Băng Dương.

Câu 2: Vị trí địa lí của châu Á không mang đặc điểm nào sau đây?

- A. Kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.
- B. Tiếp giáp Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.
- C. Tiếp giáp hai châu lục.
- D. Phía Tây giáp châu Âu.

Câu 3: Đặc điểm nào thể hiện châu Á là một châu lục rộng lớn?

- A. Tiếp giáp hai châu lục.
- B. Tiếp giáp ba đại dương rộng lớn.
- C. Lãnh thổ có dạng hình khối.
- D. Kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích Đạo.

Câu 4: Vùng trung tâm châu Á có địa hình chủ yếu là

- A. Núi và sơn nguyên cao.
- B. Vùng đồi núi thấp.

C. Các đồng bằng châu thổ rộng lớn.

D. Đồng bằng nhỏ hẹp.

Câu 5: Sơn nguyên đồ sộ nhất thế giới nằm ở châu Á là sơn nguyên nào?

A. Sơn nguyên Đê-can.

B. Sơn nguyên Trung Xi-bia.

C. Sơn nguyên Tây Tạng.

D. Sơn nguyên Iran.

Câu 6: Các khoáng sản chủ yếu của châu Á là

A. dầu mỏ, khí đốt, kim cương, vàng, chì, kẽm.

B. kim cương, vàng, chì, kẽm, thạch anh.

C. dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, crôm, đồng, thiếc.

D. khoáng sản vật liệu xây dựng (sét, cao lanh, đá vôi..).

Câu 7: Đỉnh núi Everest (8848 m) cao nhất thế giới nằm trên dãy núi nào sau đây của châu Á?

A. Dãy Hi-ma-lay –a.

B. Dãy Côn Luân.

C. Dãy U-ran.

D. Dãy Đại Hùng An.

Câu 8: Các đồng bằng lớn ở châu Á có đặc điểm chung là gì?

A. do phù sa biển hình thành .

B. do quá trình băng hà tạo thành.

C. do phù sa các con sông lớn tạo thành.

D. do vận động kiến tạo làm hạ thấp địa hình miền núi.

Câu 9: Ranh giới tự nhiên giữa châu Á với châu Âu là

A. Sông Ô-bi.

B. Dãy U-ran.

C. Biển Địa Trung Hải.

D. Dãy Cap-ca.

Câu 10: Thuận lợi của tự nhiên châu Á đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

A. Địa hình bị chia cắt mạnh mẽ, phức tạp.

B. Giàu tài nguyên khoáng sản.

C. Chịu ảnh hưởng của các thiên tai như động đất, núi lửa.

D. Núi và cao nguyên chiếm diện tích lớn.

Câu 11: Nguyên nhân nào sau đây khiến châu Á chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần?

A. Nơi tiếp xúc của nhiều mảng kiến tạo.

B. Nằm trên ‘vành đai núi lửa’ Thái Bình Dương.

C. Biến đổi khí hậu.

D. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 12: Kiểu khí hậu gió mùa phân bố ở khu vực nào của châu Á?

A. Đông Á, Đông Nam Á, Tây Nam Á

B. Đông Bắc Á, Tây Nam Á, Nam Á

C. Đông Nam Á, Bắc Á, Đông Á

D. Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á

Câu 13: Trong các vùng nội địa và khu vực Tây Nam Á phổ biến kiểu khí hậu nào?

A. Khí hậu hải dương.

B. Khí hậu gió mùa.

C. Khí hậu lục địa.

D. Khí hậu núi cao.

Câu 14: Xếp theo thứ tự các đới khí hậu châu Á từ cực Bắc đến vùng Xích đạo là

A. Đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt, xích đạo, nhiệt đới.

B. Đới khí hậu cực và cận cực, cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới, xích đạo.

C. Đới khí hậu xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới, cực và cận cực.

D. Đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, xích đạo.

Câu 15: Các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á là

A. gió mùa và lục địa.

B. hải dương và lục địa.

C. núi cao và lục địa.

D. gió mùa và hải dương.

Câu 16: Khí hậu châu Á được chia thành nhiều đới khí hậu, nguyên nhân do

A. Địa hình đa dạng gồm núi, sơn nguyên, cao nguyên, đồi thấp, đồng bằng.

B. Lãnh thổ rộng lớn, trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.

C. Hoạt động của hoàn lưu gió mùa.

D. Hoạt động của các dòng biển nóng, lạnh.

Câu 17: Cho biểu đồ:

Nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Y – an – gun (Mi-an-ma)

Hãy cho biết địa điểm trên nằm trong kiểu khí hậu nào?

A. cận nhiệt lục gió mùa.

B. ôn đới lục địa.

C. nhiệt đới gió mùa.

D. ôn đới hải dương.

Câu 18: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho nước ta không có cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc

như các nước thuộc Tây Nam Á là

A. Do ảnh hưởng sâu sắc của biển.

B. Do mạng lưới sông ngòi dày đặc.

C. Do ảnh hưởng của yếu tố địa hình.

D. Do ảnh hưởng của các dòng biển ven bờ.

Câu 19: Chế độ nước sông theo mùa, sông có lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu và thời kì cạn nhất vào cuối đông đầu xuân. Đây là đặc điểm của sông ngòi thuộc khu vực

- A. Bắc Á.
- B. Tây Nam Á.
- C. Đông Nam Á.
- D. Trung Á.

Câu 20: Ở châu Á, khu vực có mạng lưới sông ngòi kém phát triển nhất là

- A. Tây Nam Á và Trung Á.
- B. Bắc Á.
- C. Đông Nam Á.
- D. Nam Á và Đông Á.

Câu 21: Rừng lá kim là cảnh quan tự nhiên đặc trưng của vùng nào sau đây?

- A. Xi – bia.
- B. Đông Nam Á.
- C. Đông Á.

Câu 22: Đâu không phải là đặc điểm sông ngòi khu vực Bắc Á?

- A. Chảy theo hướng Nam – Bắc.
- B. Nguồn cung cấp nước chủ yếu do nước mưa.
- C. Thường xảy ra lũ vào mùa xuân do băng tan.
- D. Đổ ra Bắc Băng Dương.

Câu 23: Sông ngòi châu Á không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi khá phát triển.
- B. Phân bố không đều và chế độ nước khá phức tạp.
- C. Chủ yếu là các con sông nhỏ, chỉ có một vài hệ thống sông lớn.
- D. Các con sông Bắc Á có giá trị chủ yếu về thủy điện và giao thông.

Câu 24: Ý nghĩa tự nhiên của các con sông lớn ở châu Á là

- A. Phát triển thủy điện.
- B. Cung cấp nguồn lợi thủy sản lớn.
- C. Phát triển giao thông đường thủy.
- D. Bồi đắp nên các đồng bằng châu thổ rộng lớn.

Câu 25: Sông ngòi ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có chế độ nước theo mùa, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Ảnh hưởng của dòng biển nóng, lạnh chảy theo mùa.
- C. Địa hình có sự phân hóa đa dạng.
- D. Vào mùa đông nước sông bị đóng băng.

Câu 26: Nguyên nhân chủ yếu làm cho khu vực Tây Nam Á nằm gần biển nhưng lại phát triển cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc là

- A. Do có các dãy núi chắn gió từ biển thổi vào.
- B. Do chịu sự thống trị của khu áp cao cận nhiệt.
- C. Do địa hình song song với hướng gió.
- D. Do sông ngòi kém phát triển.

Câu 27: Nhận xét nào sau đây đúng về quy mô dân số châu Á?

- A. Đông dân nhất thế giới.
- B. Gia tăng dân số ngang mức trung bình thế giới.
- C. Dân cư thưa thớt.
- D. Dân cư phân bố không đều.

Câu 28: Hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số của châu Á đã giảm đáng kể, có được thành tựu trên chủ yếu là nhờ

- A. Sự phát triển của nền kinh tế.
- B. Đời sống người dân được nâng cao.
- C. Thực hiện chính dân số.

D. Tỷ lệ người nữ ít hơn nam.

Câu 29: Chủng tộc Môn-gô-lô-it phân bố chủ yếu ở các khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Á, Tây Nam Á và Nam Á.
- B. Bắc Á, Đông Á và Đông Nam Á.
- C. Đông Nam Á, Nam Á và Đông Á.
- D. Trung Á, Tây Nam Á và Nam Á.

Câu 30: Dân cư châu Á tập trung đông đúc nhất ở khu vực địa hình nào sau đây?

- A. Đồng bằng ven biển.
- B. Cao nguyên badan.
- C. Sơn nguyên đá vôi.
- D. Bán bình nguyên.

Câu 31: Nhân tố tự nhiên nào sau đây ít ảnh hưởng nhất đến bức tranh phân bố dân cư toàn châu Á?

- A. Địa hình.
- B. Khí hậu.
- C. Nguồn nước.
- D. Khoáng sản.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Xem lại nội dung các câu hỏi ôn tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Trần Thị Thanh Thủy

-SĐT: 0975096894

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

Tiết 15-Bài: SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT

A. LÝ THUYẾT :

I. Hiện tượng vật lí

- Hiện tượng vật lí là hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.
- Hiện tượng vật lí không có chất mới sinh ra.

VD: Đun sôi nước: nước từ thể lỏng chuyển sang thể hơi.

II. Hiện tượng hóa học.

- Hiện tượng hóa học là hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác.
- Hiện tượng hóa học có chất mới sinh ra.

VD: Nung nóng đường trắng: đường phân hủy thành nước và than

B. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài tập 1: Trong số những quá trình dưới đây, cho biết đâu là hiện tượng hóa học, đâu là hiện tượng vật lí. Giải thích.

a/ Lưu huỳnh (Sulfur) cháy trong không khí tạo ra chất khí mùi hắc (Sulfur dioxide)

b/ Thủy tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu.

***Hướng dẫn giải :**

Bài tập 1:

a/ Sulfur cháy là hiện tượng hóa học, vì có chất mới sinh ra là Sulfur dioxide (khí mùi hắc)

b/ Thủy tinh nóng chảy là hiện tượng vật lí, vì không có chất mới sinh ra.

PHIẾU HỌC TẬP :

Bài tập 1 : Đây là hiện tượng hóa học, hiện tượng vật lí ? Giải thích.

a/ Nung đá vôi (Calcium carbonat) sinh ra vôi sống (Calcium oxide) và Carbon dioxide.

.....
.....
.....

b/ Còn để trong lọ không kín bị bay hơi

.....
.....
.....

Bài tập 2: Khi đốt nến (làm bằng parafin) nến chảy lỏng thấm vào bấc. Sau đó nến lỏng chuyển thành hơi, hơi nến cháy trong không khí tạo ra khí Carbon dioxide và hơi nước. Hãy phân tích ở giai đoạn nào là hiện tượng vật lí, hiện tượng hóa học. Cho biết trong không khí có khí Oxygen và nến cháy là do có chất này tham gia.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Dẫn dò :

- Ghi phần A, B vào tập.
- Hoàn thành phiếu học tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3.Cô Huệ SĐT: 0785656236

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

Tiết 16-Bài: PHẢN ỨNG HÓA HỌC

A. LÝ THUYẾT :

I. Định nghĩa

- Quá trình biến đổi từ chất này thành chất khác gọi là phản ứng hóa học.
- Phản ứng hóa học được ghi theo phương trình chữ

Tên các chất phản ứng → Tên các sản phẩm

VD: Sulfur + Iron → Iron(II) sulfua
Đường → Nước + Than

II. Diễn biến của phản ứng hóa học

Trong phản ứng hóa học, chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi làm cho phân tử này biến đổi thành phân tử khác.

III. Điều kiện để phản ứng hóa học xảy ra

1. Các chất phản ứng được tiếp xúc với nhau.
2. Có trường hợp phải đun nóng tới nhiệt độ nào đó.
3. Có trường hợp cần có chất xúc tác (chất kích thích phản ứng xảy ra, nhưng không bị tiêu hao trong phản ứng).

IV. Dấu hiệu nhận biết phản ứng hóa học xảy ra

- Có sự thay đổi màu sắc.
- Có sinh ra chất khí hoặc chất không tan.
- Có sự tỏa nhiệt và phát sáng.

B. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài tập 1: Ghi lại phương trình chữ của các phản ứng xảy ra

- a. Than (Carbon) cháy trong không khí. Carbon tác dụng với khí Oxygen sinh ra khí Carbon dioxide
- b. Nung nóng đá vôi (Calcium carbonat). Đá vôi phân hủy thành vôi sống (Calcium oxide) và Carbon dioxide .

Bài tập 2 : Bỏ quả trứng vào Hydrochloric acid thấy sủi bọt ở vỏ trứng. Biết rằng Hydrochloric acid tác dụng với Calcium carbonat sinh ra Calcium chloride, nước và khí Carbon dioxide thoát ra. Chỉ ra dấu hiệu phản ứng và ghi phương trình chữ.

***Hướng dẫn giải :**

Bài tập 1: Phương trình chữ :

a/ Carbon + Oxygen → Carbon dioxide

b/ Calcium carbonat → Calcium oxide + Carbon dioxide

Bài tập 2 :

- Dấu hiệu phản ứng là sủi bọt khí ở vỏ quả trứng.
- Phương trình chữ :

Calcium carbonat + Hydrochloric acid → Calcium chloric + Nước + Carbon dioxide

PHIẾU HỌC TẬP :

Bài tập : Cho dung dịch Sodium hydroxide vào dung dịch Copper (II) sulfate thấy xuất hiện kết tủa màu xanh là Copper (II) hydroxide và dung dịch Sodium sulfate.

Cho biết dấu hiệu phản ứng và viết phương trình chữ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Dẫn dò :

- Chép phần A, B vào tập.
- Hoàn thành phiếu học tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3.Cô Huệ SĐT: 0785656236

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ LÝ HÓA

MÔN: VẬT LÝ - KHỐI 8

(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

ÔN TẬP – KIỂM TRA GIỮA KỲ - HKI

A. LÝ THUYẾT

Câu 1: Chuyển động cơ học là gì ? Nêu ví dụ ?

→ Sự thay đổi vị trí của một vật theo thời gian so với vật khác được gọi là chuyển động cơ.

VD1: Xe ô tô đang chạy ra xa trạm xăng. Vật mốc trạm xăng.

VD2: Chiếc thuyền đang chạy ra xa bến tàu. Vật mốc là bến tàu.

Câu 2: Tính tương đối của chuyển động và đứng yên là gì ? Nêu ví dụ ?

→ Chuyển động hay đứng yên có tính tương đối tùy thuộc vào vật được chọn làm mốc.

VD: Xe lửa đang chạy ra xa nhà ga. Xe lửa chuyển động so với nhà ga, nhưng đứng yên so với hành khách trên xe lửa.

Câu 3 : Kể tên các dạng quỹ đạo chuyển động?

→ Có 3 dạng quỹ đạo chuyển động

+ Chuyển động thẳng

+ Chuyển động cong

+ Chuyển động tròn.

Câu 4: Tốc độ cho biết điều gì ?

→ Tốc độ cho biết độ nhanh hay chậm của vật chuyển động, đo bằng quãng đường vật đi được trong một đơn vị thời gian.

Câu 5: Tốc độ của xe là 54km/h cho biết điều gì?

→ Tốc độ của xe là 54km/h cho biết mỗi giờ xe chạy được 54km.

Câu 6 : Viết công thức tính tốc độ ? Giải thích các đại lượng trong công thức ?

$$V = \frac{S}{t}$$

V : tốc độ (km/h hoặc m/s)

S : quãng đường (km hoặc m)

t : thời gian (h hoặc s)

❖ **Nhớ :** Đổi từ : + km/h → m/s : chia 3,6

+ m/s → km/h : nhân 3,6

Câu 7: Thế nào là chuyển động đều? Nêu ví dụ?

→ Chuyển động đều là chuyển động có tốc độ không thay đổi theo thời gian.

VD: + Chuyển động của đầu cánh quạt trần đang quay ổn định.

+ Chuyển động của kim giây đồng hồ quay quanh trục khi đồng hồ chạy tốt.

Câu 8 : Thế nào là chuyển động không đều? Nêu ví dụ?

→ Chuyển động không đều là chuyển động có tốc độ thay đổi theo thời gian.

VD: Chuyển động của xe khi lên hoặc xuống dốc.

Câu 9 : Nêu cách biểu diễn và kí hiệu vector lực ?

→ Lực là 1 đại lượng vector, được biểu diễn bằng 1 mũi tên có :

+ Góc : điểm đặt của lực

+ Phương, Chiều : trùng với phương và chiều của lực.

+ Độ lớn : theo tỉ xích cho trước

Câu 10 : Hai lực cân bằng là gì?

→ Hai lực cân bằng là hai lực có cùng độ lớn, cùng phương nhưng ngược chiều, tác dụng vào cùng một vật trên cùng một đường thẳng .

Một vật đứng yên chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì vật vẫn đứng yên.

Câu 11 : Quán tính là gì ?

→ Quán tính là tính chất của 1 vật giữ nguyên chuyển động khi không có lực tác dụng, và chỉ thay đổi dần chuyển động khi có lực tác dụng.

Câu 12 : Lực ma sát trượt sinh ra khi nào ? Nêu ví dụ ?

→ Lực ma sát trượt sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt của vật khác.

VD1 : Ma sát giữa chân bàn với mặt đất khi kéo bàn di chuyển.

VD2 : Ma sát giữa má phanh và vành bánh xe khi xe thắng gấp.

Câu 13 : Lực ma sát lăn sinh ra khi nào ? Nêu ví dụ ?

→ Lực ma sát lăn sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt của vật khác.

VD : Ma sát giữa các bánh xe của tủ đồ với mặt đất khi đẩy tủ di chuyển

Câu 14 : Lực ma sát nghỉ sinh ra khi nào ? Nêu ví dụ ?

→ Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không bị trượt hoặc lăn khi vật chịu tác dụng của lực khác.

VD1 : Ma sát nghỉ giữa chân tủ với mặt sàn khi tủ nằm yên trên mặt sàn

VD2 : Ma sát nghỉ giữ cho phấn bám trên bảng tạo ra chữ viết.

Câu 15 : Nêu 1 ví dụ ma sát vừa có lợi, vừa có hại ?

→ Ma sát trượt giữa giữa má phanh và vành bánh xe giúp xe dừng lại khi thắng gấp, nhưng đồng thời cũng làm mòn phần má phanh .

B. CÂU HỎI GIẢI THÍCH

Câu 1: Khi ô tô đang chạy đột ngột thắng gấp, hành khách trên xe bị ngã về phía nào, vì sao ?

→ Khi ô tô đột ngột thắng gấp, ô tô sẽ dừng lại, nhưng hành khách trên xe theo quán tính vẫn chuyển động thẳng về phía trước, nên bị ngã về phía trước.

Câu 2: Khi ô tô đang đứng yên, đột ngột chuyển động, hành khách bị ngã về phía nào, vì sao?

→ Khi ô tô đột ngột chuyển động, hành khách trên xe theo quán tính vẫn đứng yên, nên bị ngã về phía sau.

Câu 3: Khi đang đi hoặc chạy, nếu bị vấp té thì người đó sẽ bị ngã về phía nào, vì sao ?

→ Khi bị vấp té, chân người đó dừng lại, nhưng thân người của người đó theo quán tính vẫn chuyển động thẳng về phía trước, nên bị ngã về phía trước.

C. BÀI TẬP

Câu 1: Một chiếc thuyền đang chuyển động trên biển. Trên thuyền có Người lái thuyền, các hành khách ngồi trên thuyền và một nhân viên đang đi kiểm tra vé.

Hỏi Người lái thuyền đang chuyển động với vật nào và đứng yên với vật nào? Vì sao?

Câu 2: Hai người đi xe máy, người thứ I đi quãng đường 10km hết 30 phút, người thứ II đi quãng đường 5000m hết 0,2h. Hỏi người nào đi nhanh hơn? Vì sao?

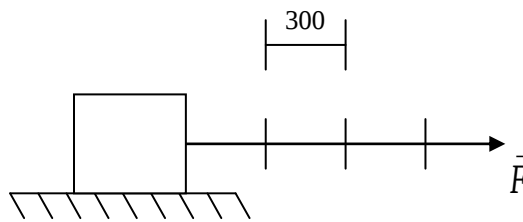
Câu 3: Một ô tô đi 0,5h trên con đường bằng phẳng với vận tốc 10m/s, sau đó ô tô lên một cái dốc 9000m với tốc độ 45km/h.

a/ Tính quãng đường bằng phẳng ô tô đã đi?

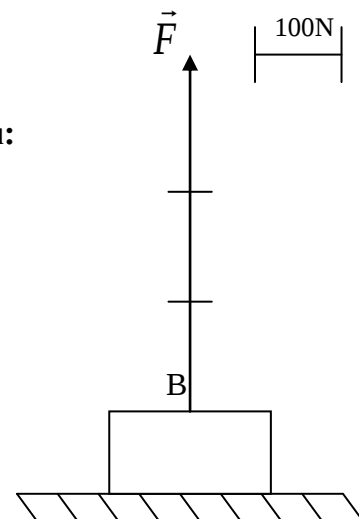
b/ Tính thời gian ô tô lên hết dốc?

b/ Tính tốc độ trung bình trên cả 2 đoạn đường?

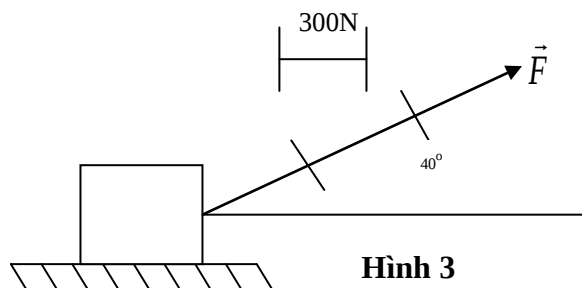
Câu 4: Dựa vào hình vẽ kể tên các yếu tố lực sau:



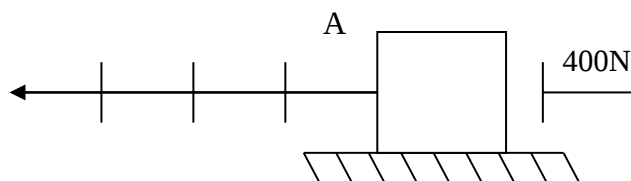
Hình 1



Hình 2



Hình 3



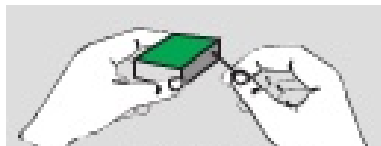
Hình 4

Câu 5:

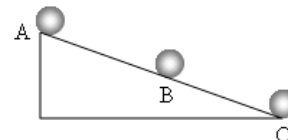
a/ Lực ma sát nào xuất hiện trong các hình a, b, c?



Hình a - Viết phấn trắng lên bảng đen



Hình b -Đánh que diêm lên thành hộp diêm tạo ra lửa

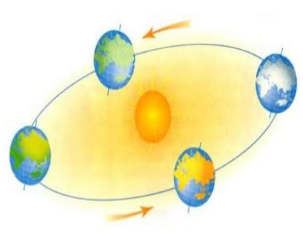


Hình c - Viên bi đang lăn

b/ Hình bên mô tả hình ảnh một ô tô đang chạy với tốc độ cao rồi phanh (thắng) gấp tạo nên vết bánh xe dài trên đường. Theo em lực ma sát lúc này có lợi hay có hại? Vì sao?



Câu 6: Trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào là chuyển động đều, chuyển động không đều ? (mô tả rõ sự chuyển động)

 a) Trái đất quay quanh Mặt trời	 b) Xe lên dốc	 c) Ngựa phóng lên cao	 d) Con lắc đồng hồ
--	--	---	---

☆DẶN DÒ

- Học nội dung phần A, B. Làm phần C vào tập
- Tuần 10: Kiểm tra giữa kỳ
- Mọi thắc mắc Quý PH vui lòng liên lạc:
- - Cô Ngọc – 0967828984
- - Thầy Châu – 0974498493

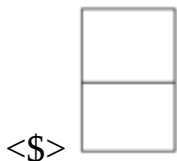
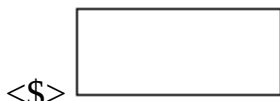
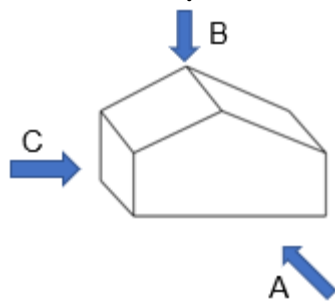
MÔN CÔNG NGHỆ 8
GV: Hoàng Kim Quy – ĐT 0774189362
Tuần 8 từ 25/10 đến 30/10

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN CÔNG NGHỆ 8

<NB-COA> 1: Theo em, tại sao mỗi chiếc máy hoặc thiết bị, nhà sản xuất có kèm theo bản hướng dẫn sử dụng?

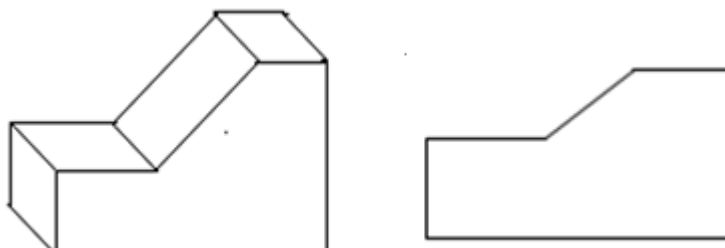
- <\$> Tăng hiệu quả sử dụng sản phẩm.
- <\$> Giúp sử dụng sản phẩm an toàn.
- <#> Giúp sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
- <\$> Giúp sử dụng sản phẩm an toàn hoặc hiệu quả.
- <END>.

<NB-COA> 2: Cho khối vật thể với các hướng chiếu A, B, C. Với hướng chiếu B, ta thu được hình nào?



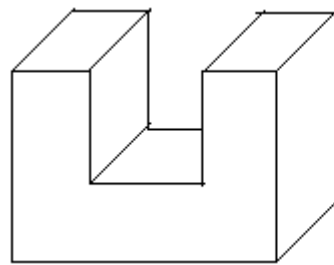
<END>.

<NB-COA> 3: Cho khối vật thể và hình biểu diễn của khối vật thể. Hình biểu diễn này có tên gọi là:



<#> Hình chiếu đứng.
 <\$> Hình chiếu bằng.
 <\$> Hình chiếu cạnh.
 <\$> Hình cắt.
 <END>.

<NB-COA> 4: Cho khối vật thể và hình biểu diễn của khối vật thể. Hình biểu diễn này có tên gọi là:



Vật thể



Hình biểu diễn

<\$> Hình chiếu đứng.
 <#> Hình chiếu bằng.
 <\$> Hình chiếu cạnh.
 <\$> Hình cắt.
 <END>.

<NB-COA> 5: Trong bản vẽ kỹ thuật vị trí hình chiếu đứng là:

<\$> Nằm trên hình chiếu cạnh.
 <\$> Nằm phía dưới hình chiếu cạnh.
 <\$> Nằm phía dưới hình chiếu bằng.
 <#> Bên trái hình chiếu cạnh, trên hình chiếu bằng.
 <END>.

<NB-COA> 6: Trong bản vẽ kỹ thuật vị trí hình chiếu bằng là:

<\$> Nằm trên hình chiếu đứng.
 <\$> Nằm phía dưới hình chiếu cạnh.
 <#> Nằm phía dưới hình chiếu đứng.
 <\$> Nằm bên trái hình chiếu cạnh.

<END>.

<NB-COA> 7: Đặt hình chóp đều đáy nằm ngang (song song với mặt phẳng chiếu cạnh) có hình chiếu đứng là:

<\$> Tam giác đều.

<#> Tam giác cân.

<\$> Tam giác vuông.

<\$> Hình vuông.

<END>.

<NB-COA> 8: Hình chóp đều có các mặt bên là:

<\$> Các tam giác bằng nhau.

<#> Các tam giác cân bằng nhau.

<\$> Các tam giác đều bằng nhau.

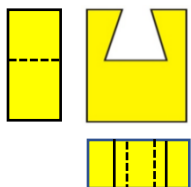
<\$> Các tam giác vuông bằng nhau.

<END>.

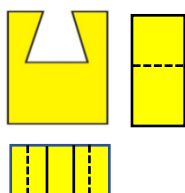
<NB-COA> 9: Cho khối vật thể sau, em hãy chọn hình vẽ đúng thể hiện các hình chiếu của khối vật thể.



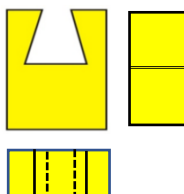
<\$>



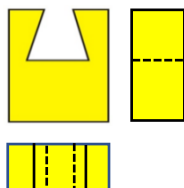
<#>



<\$>



<\$>



<END>

<NB-COA> 10: Hình nào sau đây thuộc khối tròn xoay.

<\$> Hình hộp chữ nhật.

<\$> Hình lăng trụ đều.

<\$> Hình chóp đều.

<#> Hình nón.

<END>.

<NB-COA> 11: Một bản vẽ có hình chiếu đứng là hình chữ nhật, hình chiếu bằng là hình tròn, vật thể đó là:

<\$> Hình lăng trụ đều.

<\$> Hình nón cụt.

<#> Hình trụ.

<\$> Hình cầu.

<END>.

<NB-COA> 12: Nếu ta đặt mặt đáy của hình chỏm cầu song song với mặt phẳng chiếu bằng thì:

<#> Hình chiếu bằng là hình tròn.

<\$> Hình chiếu đứng là hình tròn.

<\$> Hình chiếu là hình tròn.

<\$> hình chiếu bằng là nửa hình tròn.

<END>.

<NB-COA> 13: Bản vẽ kỹ thuật là bản vẽ trình bày các thông tin kỹ thuật dưới dạng:

<\$> Chữ viết.

<#> Hình vẽ và các kí hiệu theo qui ước thống nhất.

<\$> Tiếng nói.

<\$> Cử chỉ.

<END>.

<NB-COA> 14: Hình cắt là hình:

<\$> Biểu diễn phần vật thể ở trước mặt phẳng cắt.

<#> Biểu diễn phần vật thể ở sau mặt phẳng cắt.

<\$> Biểu diễn phần vật thể ở trên bản vẽ .

<\$> Biểu diễn phần vật thể bằng nét chấm gạch mảnh.

<END>.

<NB-COA> 15: Trong bản kỹ thuật có ghi tỉ lệ 1: 2 nghĩa là:

<\$> Kích thước hình trong bản vẽ lớn hơn kích thước vật 2 lần.
<#> Kích thước hình trong bản vẽ nhỏ hơn kích thước vật 2 lần.
<\$> Bản vẽ phóng to so với vật thật.
<\$> Kích thước hình trong bản vẽ bằng với kích thước vật.
<END>.

<NB-COA> 16: Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

<\$> Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật.
<#> Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.
<\$> Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước.
<\$> Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, tổng hợp.
<END>

<NB-COA> 17: Trong bản vẽ chi tiết của sản phẩm, gồm mấy nội dung.:

<\$> 2.
<\$> .3.
<#> 4.
<\$> 5.
<END>.

<NB-COA> 18: Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật tính theo đơn vị:

<#> mm.
<\$> cm.
<\$> dm.
<\$> m.
<END>.

<NB-COA> 19: Sơ đồ bản vẽ chi tiết là:

<#> Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên.
<\$> Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật.
<\$> Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật.
<\$> Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật.
<END>.

<NB-COA> 20: Qui ước vẽ ren trục và ren lỗ thì đường đỉnh ren được vẽ bằng nét:

<\$> Nét gạch chấm mảnh.
<#> Liên đậm.
<\$> Liên mảnh.
<\$> Nét đứt.
<END>.

<NB-COA> 21: Tên gọi khác của ren trong là:

<#> Ren lỗ.
<\$> Ren trục.
<\$> Đỉnh ren.
<\$> Chân ren.
<END>.

<NB-COA> 22: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ

- Khối tròn xoay được tạo thành khi quay quanh một đường cố định (trục quay) của hình:

<#> Một hình phẳng.
<\$> Hình chữ nhật.
<\$> Hình tam giác vuông.
<\$> Nửa hình tròn.
<END>.

<NB-COA> 23: Vòng chân ren được vẽ:

<\$> Cả vòng tròn.
<\$> 1/2 vòng tròn.
<#> 3/4 vòng tròn.
<\$> 1/4 vòng tròn.
<END>:

<NB-COA> 24: Nội dung của bản vẽ lắp là:

<\$> Hình biểu diễn, kích thước, khung tên.
<\$> Kích thước, hình biểu diễn, khung tên, tổng hợp.
<\$> Bảng kê, khung tên, hình biểu diễn, phân tích chi tiết, tổng hợp.
<#> Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước.
<END>

<NB-COA> 25: Một chiếc máy hay sản phẩm:

<\$> Chỉ có một chi tiết.
<\$> Chỉ có hai chi tiết.
<#> Có nhiều chi tiết.
<\$> Một hay nhiều chi tiết tùy vào mỗi sản phẩm.
<END>.

<NB-COA> 26: Bản vẽ lắp có thêm nội dung nào mà bản vẽ chi tiết không có?

<\$> Hình biểu diễn.
<\$> Kích thước.
<#> Bảng kê.
<\$> Khung tên.

<END>.

<NB-COA> 27: Kích thước chung trên bản vẽ lắp là kích thước:

<\$> Chiều dài, chiều rộng của sản phẩm.

<\$> Chiều rộng, chiều cao của sản phẩm.

<\$> Chiều cao, chiều dài của sản phẩm.

<#> Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của sản phẩm.

<END>.

<NB-COA> 28: Trong bản vẽ nhà mặt bằng thể hiện:

<\$> Bên ngoài ngôi nhà.

<\$> Mặt bên của ngôi nhà.

<#> Vị trí, kích thước các tường, vách, cửa đi, cửa sổ, các thiết bị đồ đạc....

<\$> Các bộ phận của ngôi nhà theo chiều cao.

<END>.

<NB-COA> 29: Trên bản vẽ nhà có hình biểu diễn:

<\$> Mặt bằng, mặt đứng.

<\$> Mặt đứng, mặt cắt.

<#> Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt.

<\$> Hình chiếu bằng, hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh.

<END>.

<NB-COA> 30: Hình biểu diễn quan trọng nhất của bản vẽ nhà là:

<#> Mặt bằng.

<\$> Mặt đứng.

<\$> Mặt cắt.

<\$> Mặt bằng, mặt cắt.

<END>.

<NB-COA>31: Có mấy loại hình chiếu?

<\$> 2.

<#>3.

<\$>4.

<\$>5.

<END>.

<NB-COA>32: Có mấy loại bản vẽ kỹ thuật?

<\$>1.

<#>2.

<\$>3.

<\$>Đáp án khác.

<END>.

<NB-COA>33: Có mấy loại mặt phẳng chiếu?

<#>3.

<\$>4.

<\$>5.

<\$>Đáp án khác.

<END>.

<NB-COA>34: Có mấy loại phép chiếu?

<#>3.

<\$>4.

<\$>5.

<\$>Đáp án khác.

<END>.

<NB-COA>35: Khối đa diện hình chữ nhật gồm mấy mặt?

<\$>3.

<\$>4.

<\$>5.

<#>6.

<END>.

<NB-COA>36: Trình tự đọc bản vẽ lắp.

<\$>Kích thước, khung tên, hình biểu diễn, bảng kê.

<\$>Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, bảng kê.

<#>Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên.

<\$>Đáp án khác.

<\$>END.

<NB-COA>37: Trình tự đọc bản vẽ nhà:

<\$>Các bộ phận, kích thước, hình biểu diễn, khung tên.

<\$>Hình biểu diễn, các bộ phận, khung tên, kích thước.

<\$>Kích thước, khung tên, các bộ phận, hình biểu diễn.

<#>Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, các bộ phận.

<END>.

<NB-COA>38: Vòng đỉnh ren được vẽ:

<#>Cả vòng tròn.

<\$>1/2 vòng tròn.

<\$>3/4 vòng tròn.

<\$>Đáp án khác.

<END>.

<NB-COA>39: Công dụng của bulông đai ốc:

<#>Ghép nối chi tiết và truyền lực.

<\$>Truyền lực.

<\$>Ghép nối.

<\$>Đáp án khác.

<END>.

<NB-COA>40: Con có ren nằm ở vị trí nào trên xe đạp?

<\$>Trục trước.

<\$>Trục giữa.

<\$>Trục sau.

<#>Cổ xe đạp.

<\$>END.

SINH HỌC 8- TUẦN 8

(từ 18/10/2021 đến 23/10/2021)

Chủ đề 2: DINH DƯỠNG VÀ TIÊU HÓA

Tiết 15+16: CƠ QUAN TIÊU HÓA VÀ QUÁ TRÌNH TIÊU HÓA THỨC ĂN

II. Quá trình tiêu hóa thức ăn

4. Ruột non:

a. Biến đổi lý học:

- Gan tiết.....dữ trữ ở túi mật, tuyến tụy tiết....., tuyến ruột tiết.....đổ vào ruột non.
- Sựvà thức ăn dần trong ruột nhờ hoạt động của các.....
- Nhũ tương hóa.....của dịch mật tạo các giọt lipid nhỏ.

b. Biến đổi hóa học: Dưới tác dụng của các enzyme:

- Tinh bột và đường đôi $\longrightarrow$
- Protein chuỗi dài và protein chuỗi ngắn $\longrightarrow$ các
- Các giọt lipid nhỏ $\longrightarrow$ và.....

* Hấp thụ chất dinh dưỡng ở ruột non: Chất dinh dưỡng được hấp thụ qua.....theo mạch máu và mạch bạch huyết qua gan về.....

Các em tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa, sau đó chọn đáp án đúng của các cụm từ sau để điền vào chỗ trống(đào trộn, đẩy, dịch mật, dịch tụy, dịch ruột, lớp cơ ở ruột non, lipid, đường đơn, axit amin, glycerin, thành ruột, tim)

III. Vai trò của gan:

- Tiết mật
- Khử độc
- Chuyển hóa nồng độ các chất trong máu
- Gan là trung tâm chuyển hóa của cơ thể

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Hiền (0703053845)

LÝ THUYẾT

Bài 4: SỬ DỤNG BIẾN VÀ HẲNG **TRONG CHƯƠNG TRÌNH (tiết 2)**

3. Sử dụng biến trong chương trình

- Các thao tác có thể thực hiện với các biến là:
 - + Gán giá trị cho biến
 - + Tính toán với các biến
- Cú pháp câu lệnh gán trong ngôn ngữ lập trình có dạng:

Tên biến $\leftarrow$ Biểu thức cần gán giá trị cho biến;

- Cú pháp câu lệnh gán trong ngôn ngữ Pascal:

Tên biến := Biểu thức

- Ví dụ: Xem ví dụ 3 và ví dụ 4 SGK/ 31.

4. Hằng

- Hằng là đại lượng có giá trị không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện chương trình.
- Cú pháp khai báo hằng:

`const tên hằng = giá trị;`

- Ví dụ. Khai báo hằng trong Pascal:

```
const pi = 3.14;  
bankinh = 2;
```

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thảo → 0907254518
2. Thầy Hiếu → 0901486242
3. Thầy Phái → 0938779246

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ TIN HỌC

MÔN TIN HỌC - KHỐI 8
(Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 4: SỬ DỤNG BIẾN VÀ HẲNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH (tiết 2)

BÀI TẬP 1. Em hãy điền vào dấu chấm để hoàn thành các câu sau:

- Các thao tác có thể thực hiện với các biến:

+ cho biến

+ với các biến.

- Cú pháp câu lệnh gán trong ngôn ngữ lập trình có dạng:

Tên biến Biểu thức cần gán giá trị của biến.

- Cú pháp câu lệnh gán trong ngôn ngữ Pascal:

Tên biến Biểu thức

- HƯỚNG DẪN: xem trong phần 3 **Sử dụng biến trong chương trình của Bài 4: SỬ DỤNG BIẾN VÀ HẲNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH (tiết 2)**

BÀI TẬP 2. Em hãy nêu cú pháp khai báo hằng và cho vài ví dụ cách khai báo hằng trong Pascal:

.....

.....

.....

.....

- **HƯỚNG DẪN:**

Xem trong phần 4 **Hằng** của **Bài 4: SỬ DỤNG BIẾN VÀ HẲNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH (tiết 2)**

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thảo → 0907254518
2. Thầy Hiếu → 0901486242
3. Thầy Phái → 0938779246

Trường THCS Phan Công Hớn Tổ Toán	KHỐI 8 (Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021)
--------------------------------------	--

PHẦN ĐẠI SỐ

CHIA ĐA THỨC CHO ĐƠN THỨC

I) PHÉP CHIA ĐA THỨC:

Cho A và B là hai đa thức, $B \neq 0$. Ta nói đa thức A chia hết cho đa thức B nếu tìm được một đa thức Q sao cho $A = B.Q$.

A được gọi là đa thức bị chia, B được gọi là đa thức chia, Q được gọi là đa thức thương (gọi tắt là thương). Kí hiệu: $Q = A:B$ hay $Q = \frac{A}{B}$

II) CHIA ĐƠN THỨC CHO ĐƠN THỨC:

1) Quy tắc:

Nhắc lại: Với mọi $x \neq 0$, $m, n \in \mathbb{N}$, $m \geq n$ thì:

$$x^m : x^n = x^{m-n} \text{ nếu } m > n$$

$$x^m : x^n = 1 \text{ nếu } m = n$$

* **Nhận xét**: Đơn thức A chia hết cho đơn thức B khi mỗi biến của B đều là biến của A với số mũ không lớn hơn số mũ của nó trong A.

* Quy tắc:

Muốn chia đơn thức A cho đơn thức B (trường hợp A chia hết cho B) ta làm như sau:

- Chia hệ số của đơn thức A cho hệ số của đơn thức B.
- Chia lũy thừa của từng biến trong A cho lũy thừa của cùng biến đó trong B.
- Nhân các kết quả vừa tìm được với nhau.

Vd: Làm tính chia:

a) $12x^3y^2 : 3x^2y = 4xy$

b) $-20x^3y : 5x = -4x^2y$

c) $-5xy^2 : 3xy = \frac{-5}{3}y$

2) **Áp dụng:**

3:

a) Tìm thương trong phép chia, biết đơn thức bị chia là $15x^3y^2z$, đơn thức chia là $5x^2y^3$

b) Cho $P = 12x^4y^2 : (-9xy^2)$. Tính giá trị của biểu thức P tại $x = -3$ và $y = 1,005$.

Giải:

a) Ta có: $15x^3y^5z : 5x^2y^3 = 3xy^2z$

b) Ta có: $P = 12x^4y^2 : (-9xy^2) = \frac{-4}{3}x^3$

Tại $x = -3$ và $y = 1,005$ thì $P = \frac{-4}{3} \cdot (-3)^3 = 36$

BÀI TẬP:

Bài 61 SGK/ 26: Làm tính chia:

a) $5x^2y^4 : 10x^2y = \frac{1}{2}y^3$

b) $\frac{3}{4}x^3y^3 : (\frac{-1}{2}x^2y^2) = \frac{-3}{2}xy$

c) $(-xy)^{10} : (-xy)^5$
 $= (-xy)^5$
 $= -x^5y^5$

Bài 62 SGK/27: Tính giá trị của biểu thức $15x^4y^3z^2 : 5xy^2z^2$ tại $x = 2$, $y = -10$ và $z = 2004$

Ta có: $15x^4y^3z^2 : 5xy^2z^2 = 3x^3y$

Tại $x = 2$, $y = -10$ và $z = 2004$ thì $3x^3y = 3 \cdot 2^3 \cdot (-10) = -240$

III) CHIA ĐA THỨC CHO ĐƠN THỨC

1) **Quy tắc:**

Muốn chia đa thức A cho đơn thức B (trường hợp các hạng tử của đa thức A đều chia hết cho đơn thức B), ta chia mỗi hạng tử của A cho B rồi cộng cộng các kết quả với nhau.

Vd: Thực hiện phép tính:

$$(30x^4y^3 - 25x^2y^3 - 3x^4y^4) : 5x^2y^3 = 6x^2 - 5 - \frac{3}{5}x^2y$$

- Chú ý: SGK/28

2) Áp dụng:

?2:

a) Khi thực hiện phép chia $(4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y) : (-4x^2)$, bạn Hoa viết:

$$4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y = -4x^2(-x^2 + 2y^2 - 3x^3y)$$

Nên $(4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y) : (-4x^2) = -x^2 + 2y^2 - 3x^3y$

Em hãy nhận xét xem bạn Hoa giải đúng hay sai.

b) Làm tính chia:

$$(20x^4y - 25x^2y^2 - 3x^2y) : 5x^2y$$

Giải:

a) Bạn Hoa làm đúng.

Ta có thể làm như sau:

$$(4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y) : (-4x^2) = -x^2 + 2y^2 - 3x^3y$$

$$b) (20x^4y - 25x^2y^2 - 3x^2y) : 5x^2y$$

$$= 4x^2 - 5y - \frac{3}{5}$$

Bài tập:

Bài 64/28 SGK: Làm tính chia:

$$a) (-2x^5 + 3x^2 - 4x^3) : 2x^2$$

$$= -x^3 + \frac{3}{2} - 2x$$

$$b) (x^3 - 2x^2y + 3xy^2) : \left(-\frac{1}{2}x\right)$$

$$= -2x^2 + 4xy - 6y^2$$

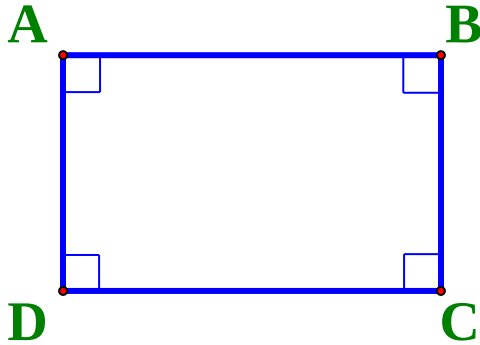
$$c) (3x^2y^2 + 6x^2y^3 - 12xy) : 3xy$$

$$= xy + 2xy^2 - 4$$

PHẦN HÌNH HỌC
Bài 9: HÌNH CHỮ NHẬT

1) **Định nghĩa:**

Hình chữ nhật là tứ giác có bốn góc vuông.



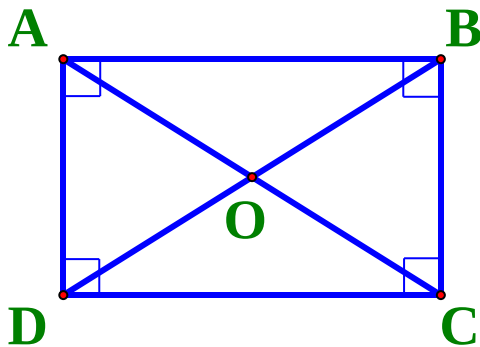
Tứ giác ABCD là hình chữ nhật

$$\Leftrightarrow \hat{A} = \hat{B} = \hat{C} = \hat{D} = 90^0$$

Nhận xét: Hình chữ nhật cũng là một hình bình hành, cũng là một hình thang cân.

2) **Tính chất:**

Trong hình chữ nhật, hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.



Tứ giác ABCD là hình chữ nhật thì:

* $AC = BD$

* O là trung điểm của AC và cũng là trung điểm của BD

$$\text{Hay } OA = OB = OC = OD = \frac{AC}{2} = \frac{BD}{2}$$

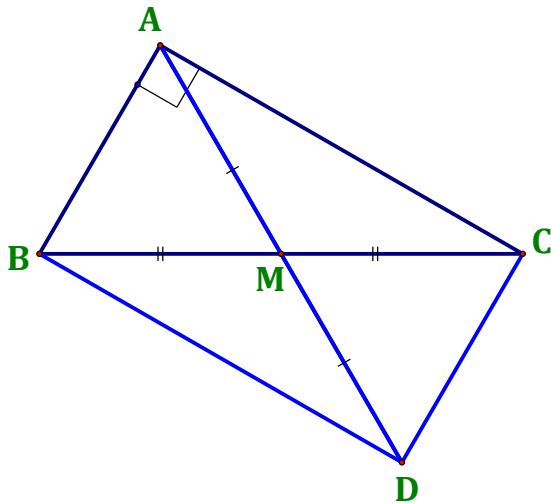
3) **Dấu hiệu nhận biết:**

1. Tứ giác có ba góc vuông là hình chữ nhật.
2. Hình thang cân có một góc vuông là hình chữ nhật.
3. Hình bình hành có một góc vuông là hình chữ nhật.
4. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

4) Áp dụng vào tam giác:

?3: Cho hình 86

- Tứ giác ABDC là hình gì? Vì sao?
- So sánh các độ dài AM và BC.
- Tam giác vuông ABC có AM là đường trung tuyến ứng với cạnh huyền. Hãy phát biểu tính chất tìm được ở câu b) dưới dạng một định lí.



Giải:

- Xét tứ giác ABDC có:
M là trung điểm của AD (gt)
M là trung điểm của BC (gt)
Nên tứ giác ABDC là hình bình hành

hình

$$\text{Mà } \widehat{BAC} = 90^\circ \text{ (gt)}$$

$\Rightarrow$ tứ giác ABDC là hình chữ nhật.

$$\text{b) Ta có: } AM = \frac{AD}{2} \text{ (gt)}$$

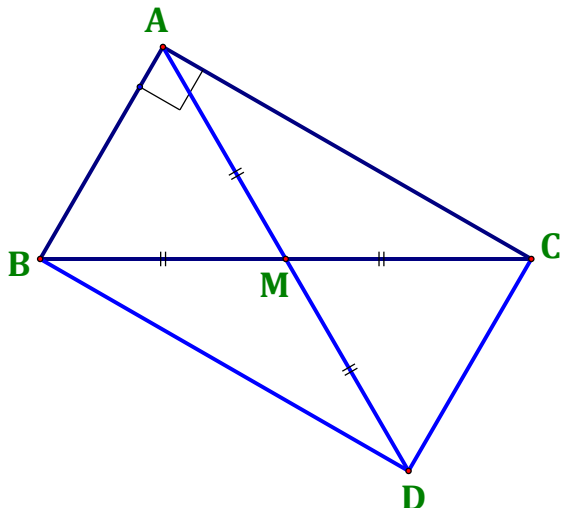
Mà $AD = BC$ (ABDC là hcn)

$$\text{Nên } AM = \frac{BC}{2}$$

- Trong một tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền thì bằng nửa cạnh huyền.

?4: Cho hình 87.

- Tứ giác ABDC là hình gì? Vì sao?
- Tam giác ABC là tam giác gì?
- Tam giác ABC có đường trung tuyến AM bằng nửa cạnh BC. Hãy phát biểu tính chất tìm được ở câu b) dưới dạng một định lí.



Giải:

- Xét tg ABDC có:
M là trung điểm của AD (gt)
M là trung điểm của BC (gt)
Nên tg ABDC là hình bình hành
Mà $AD = BC$ (gt)
Nên tg ABDC là hình chữ nhật

b) Tam giác ABC có: $\widehat{BAC} = 90^\circ$ (ABDC là hcn)

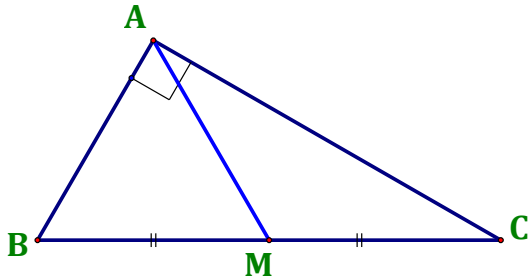
Nên tam giác ABC vuông tại A

c) Trong một tam giác có đường trung tuyến ứng với một cạnh và bằng nửa cạnh ấy thì tam giác đó là tam giác vuông.

Định lí:

1. Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng nửa cạnh huyền.
2. Nếu một tam giác có đường trung tuyến ứng với một cạnh bằng nửa cạnh ấy thì tam giác đó là tam giác vuông.

Vd: Cho tam giác ABC vuông tại A có AB = 6cm, AC = 8cm. Gọi M là trung điểm của BC, tính độ dài AM.



Giải:

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2 \text{ (định lí Pytago)}$$

$$BC^2 = 6^2 + 8^2$$

$$BC^2 = 100$$

$$BC = 10(\text{cm})$$

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có AM là đường trung tuyến nên:

$$AM = \frac{BC}{2} = \frac{10}{2} = 5(\text{cm})$$

LUYỆN TẬP

Bài 61/99 sgk: Cho tam giác ABC , đường cao AH . Gọi I là trung điểm của AC , E là điểm đối xứng với H qua I . Tứ giác $AHCE$ là hình gì? Vì sao?

Giải:

Xét tứ giác $AHCE$ có:

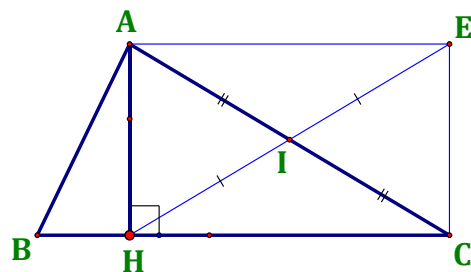
I là trung điểm của AC (gt)

I là trung điểm của HE (tính chất đối xứng)

Nên tứ giác $AHCE$ là hình bình hành

Mà $\widehat{AHC} = 90^\circ$ (gt)

Vậy tứ giác $AHCE$ là hình chữ nhật.



Bài 63/100SGK: Tìm x trên hình 90.

Giải:

Kẻ BH vuông góc DC tại H .

Xét tứ giác $ABHD$ có:

$\hat{A} = \hat{D} = \hat{H} = 90^\circ$ (gt)

$\Rightarrow$ Tứ giác $ABHD$ là hình chữ nhật

Nên $DH = AB = 10$ (cm)

Do đó $CH = DC - DH = 15 - 10 = 5$ (cm)

Xét tam giác BHC vuông tại H :

$BC^2 = BH^2 + CH^2$ (định lý Pytago)

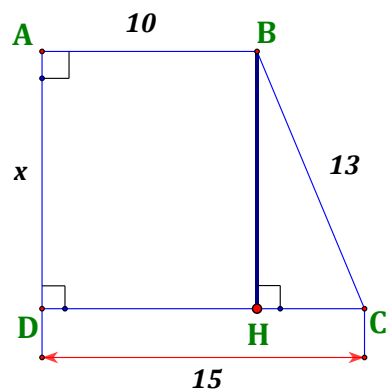
$13^2 = BH^2 + 5^2$

$BH^2 = 13^2 - 5^2 = 144$

$BH = 12$ (cm)

Mà $AD = BH$ (vì $ABHD$ là hình chữ nhật)

Vậy $x = 12$ cm



Bài 65/100SGK: Tứ giác $ABCD$ có hai đường chéo vuông góc với nhau. Gọi E, F, G, H theo thứ tự là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA . Tứ giác $EFGH$ là hình gì? Vì sao?

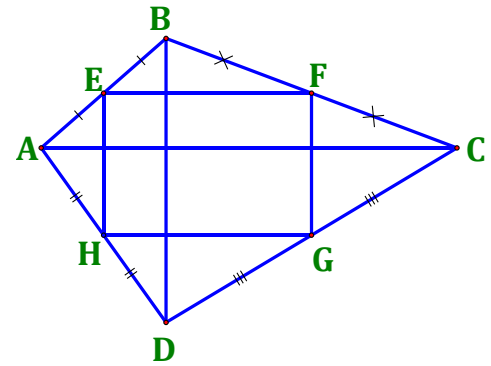
Giải:

Xét tam giác ABC có:

E là trung điểm của AB (gt)

F là trung điểm của BC (gt)

Nên EF là đường trung bình của tam giác



ABC

CMTT ta có: HG là đường trung bình của tam giác ADC

* Ta có: $EF \parallel AC$ (EF là đường trung bình $\triangle ABC$)

$HG \parallel AC$ (HG là đường trung bình $\triangle ADC$)

Nên $EF \parallel HG$ (1)

$EF = \frac{AC}{2}$ (EF là đường trung bình $\triangle ABC$)

$HG = \frac{AC}{2}$ (HG là đường trung bình $\triangle ADC$)

Nên $EF = HG$ (2)

Từ (1) và (2) suy ra tứ giác EFGH là hình bình hành

* CMTT ta có: EH là đường trung bình $\triangle ABD$

$\Rightarrow EH \parallel BD$

Mà $BD \perp AC$ (gt)

Nên $EH \perp AC$

Lại có: $EF \parallel AC$ (cmt)

$\Rightarrow EH \perp EF$

Nên $\widehat{HEF} = 90^\circ$

Mà tứ giác EFGH là hình bình hành (cmt)

Vậy tứ giác EFGH là hình chữ nhật.

BTVN : Làm bài 64/100SGK

PHIẾU HỌC TẬP TOÁN 8 TUẦN 8

Bài 1: Làm tính chia:

a) $12x^6 : 3x^3$
 $= 4x^3$

b) $21x^8y^5 : 14x^5y^3$
 $= \dots\dots\dots$

c) $-7x^4y : 3x^3$
 $= \dots\dots\dots$

d) $(18x^7 + 12x^5 - 24x^3) : 6x^3$
 $= 3x^4 + 2x^2 - 4x$

e) $(15x^3y^5 - 8x^2y^2 - 5x^4y^4) : 5x^2y$
 $= \dots\dots\dots$

f) $(18x^4y^5 + 24x^3y^4 - 5x^2y^3) : (-6x^2y^2)$
 $= \dots\dots\dots$

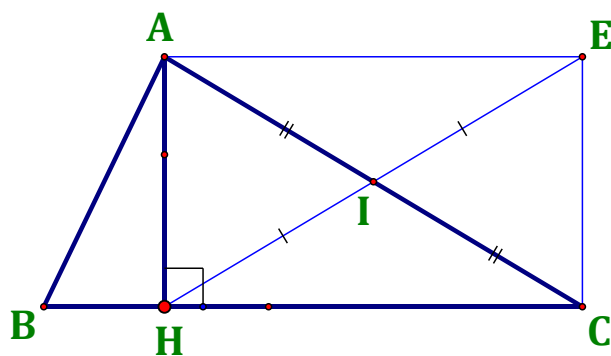
Bài 2: Áp dụng hằng đẳng thức để thực hiện phép chia:

a) $(x^2 + 2xy + y^2) : (x + y)$
 $= (x + y)^2 : (x + y)$
 $= x + y$

b) $(4x^2 - 4x + 1) : (2x - 1)$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

c) $(16x^2 - 9) : (4x - 3)$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

Bài 3: Cho tam giác ABC, đường cao AH. Gọi I là trung điểm của AC, E là điểm đối xứng với H qua I. Tứ giác AHCE là hình gì? Vì sao?



Giải:

Xét tứ giác AHCE có:

I là trung điểm của AC (gt)

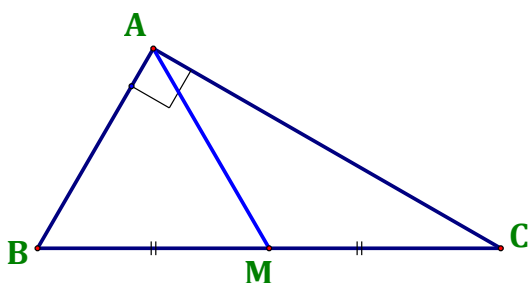
I là (tính chất đối xứng)

Nên tg AHCE là hình bình hành

Mà..... = 90^0 (gt)

Vậy tứ giác AHCE

Bài 4: Cho tam giác ABC vuông tại A có $AB = 12\text{cm}$, $AC = 16\text{cm}$. Gọi M là trung điểm của BC, tính độ dài AM.



Giải:

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có:

$BC^2 = \dots\dots\dots$ (định lí Pytago)

$BC^2 = \dots\dots\dots$

$BC^2 = \dots\dots\dots$

$BC = \dots\dots\dots$

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có AM là đường trung tuyến nên:

$AM = \dots\dots\dots$

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 8
(Từ ngày 25/10/2021 đến 30/10/2021)

TUẦN 8

A. LÝ THUYẾT:

**Chủ đề 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KỸ THUẬT, KHOA HỌC,
VĂN HỌC VÀ VĂN HÓA THẾ KỈ XVIII – XIX (2 tiết)**

I. Những thành tựu chủ yếu về kĩ thuật.

- Việc phát minh ra máy hơi nước đã thúc đẩy ngành giao thông vận tải đường thủy và đường sắt ra đời.
- Máy điện tính được phát minh ở Nga, Mĩ thế kỉ XIX.
- Trong nông nghiệp, những tiến bộ về kĩ thuật, về phương pháp canh tác cũng góp phần nâng cao năng suất lao động.
- Trong lĩnh vực quân sự, sản xuất ra nhiều loại vũ khí hiện đại như đại bác, súng trường bắn nhanh, ngư lôi, khí cầu, . . . phục vụ cho chiến tranh.

II. Những tiến bộ về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

1. Khoa học tự nhiên.

- Thuyết vạn vật hấp dẫn (Niu-ton)
- Định luật bảo toàn vật chất và năng lượng (Lô-mô-nô-xốp).
- Thuyết tiến hóa và di truyền (Đac-uyn), . . .

2. Khoa học xã hội:

- Về triết học: chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng của Phoi-ơ-bách và Hê-ghen (Đức).
- Về kinh tế học: học thuyết chính trị - kinh tế học tư sản của A-đam Xmit và Ri-cac-đô (Anh)
- Về tư tưởng: chủ nghĩa xã hội không tưởng của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, O-oen và học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học do Mac và Ăng-ghen sáng lập, ...

3. Sự phát triển của văn học-nghe thuật.

III. Sự phát triển của khoa học-kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX

- Nhân loại tiếp tục đạt được những thành tựu rực rỡ về khoa học – kĩ thuật.
- Các ngành khoa học cơ bản đều đạt được những tiến bộ.
- Nhiều phát minh khoa học cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã được đưa vào sử dụng: điện tín, điện thoại, rada, hàng không, điện ảnh,...
- Tác dụng:

+ Tích cực: Cuộc sống vật chất và tinh thần của con người đã được nâng cao rõ rệt.

+ Tiêu cực: Con người đã dùng những thành tựu khoa học đó để sử dụng sản xuất những vũ khí giết người hàng loạt.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG:

PHIẾU HỌC TẬP

Học sinh chọn 1 phương án đúng nhất.

Câu 1: Thuyết vật hấp dẫn là của ai?

A. Niu-ton

B. Lô-mô-nô-xốp

C. Puốc-kin-giơ

D. Đác-uyn

Câu 2: Người khám phá ra bí mật của sự phát triển của thực vật và đời sống của mô động vật là ai?

A. Đác-uyn

B. Niu-ton

C. Puốc-kin-giơ

D. Lô-mô-nô-xốp

Câu 3: Thành tựu quan trọng nhất trong nền nông nghiệp đầu thế kỉ XIX là gì?

A. Sử dụng phân hóa học, máy kéo, tăng hiệu quả làm đất và năng suất cây trồng.

B. Áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

C. Áp dụng phương pháp canh tác mới.

D. Máy móc được sử dụng rộng rãi trong nông nghiệp.

Câu 4: Ba nhà tư tưởng tiến bộ nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì?

A. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Crôm-oen.

B. Phu-ri-ê, Mông-te-xki-ơ và Ô-oen.

C. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ru-xô.

D. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

Câu 5: Ý nghĩa quan trọng nhất của những phát minh về khoa học tự nhiên thế kỉ XVIII-XIX là gì?

A. Giúp con người hiểu biết thêm về thế giới vật chất xung quanh.

B. Khẳng định vạn vật chuyển biến, vận động theo quy luật.

C. Đặt cơ sở cho những nghiên cứu ứng dụng sau này thúc đẩy sản xuất và kỹ thuật phát triển.

D. Tấn công mạnh mẽ vào những giáo lý của thần học.

Câu 6: An-be Anh-xtanh đã phát minh ra thành tựu khoa học nào?

A. Lý thuyết tương đối

B. Lý thuyết nguyên tử hiện đại

C. Khái niệm vật lý về không gian và thời gian.

D. Năng lượng nguyên tử.

Câu 7: Chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới bay vào thời gian nào?

A. 17/12/1903

B. 17/12/1904

C. 17/12/1905

D. 17/12/1906

Câu 8: Chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới do ai chế tạo ra ?

A. Nhà khoa học A. Nô –ben

B. Nhà khoa học An-be Anh-xtanh

C. Nhà khoa học C.xi-ôn-cốp-xk

D. Nhà khoa học Ovil và Wilbur Right

C. DẶN DÒ

- **HỌC THUỘC BÀI CŨ**
- **HOÀN THÀNH PHIẾU BÀI TẬP**
- **ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI CHỦ ĐỀ: ÁN ĐỘ THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX.**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Phách: 0908787875

Thầy Chính: 0967293940

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 8 (từ 25 /10 đến 30/10)

❁ WEEK 8 (period 22-23-24)

UNIT 5 : STUDY HABITS

NEW WORDS

GETTING STARTED + LISTEN AND READ

- 1/ habit (n) thói quen
→ habitual (a) theo thói quen
- 2/ report (n) phiếu báo kết quả học tập
= report card (n) phiếu điểm
- 3/ excellent (a) xuất sắc
→excellently (adv) một cách xuất sắc
- 4/ proud (a) tự hào (of sth/ sb)
→pride (n) niềm tự hào (in sth)
→to pride yourself on sth
- 5/ semester (n) học kỳ
→first / second semester(n) học kì I/ II
- 6/ improve (adj) cải thiện
→improvement (n) sự tiến bộ
- 7/ Spanish (n) tiếng Tây Ban Nha
- 8/ pronounce (n) phát âm
→pronunciation (n) cách phát âm
- 9/ try (to V) (v) cố gắng
- 10/ believe (v) tin tưởng
→belief (n) lòng tin
- 11/ promise (v) hứa
→promise (n) lời hứa

SPEAK + LISTEN (hướng dẫn hs tự học)

- 1/ behave (v) cư xử
→behavior (n) hành vi, cử chỉ

2/ participate (v)		tham gia (in sth)
= take part in sth		
→ participation	(n)	sự tham gia
3/ co-operate	(v)	hợp tác
→ co-operation	(n)	sự hợp tác
4/ fair	(a)	khá tốt
5/ poor	(a)	kém
6/ satisfy	(v)	làm hài lòng
→ satisfactory	(a)	thỏa đáng
≠ unsatisfactory	(a)	không thỏa đáng
7/ comment	(v,n)	biên luận - lời bình

READ

1/ mean	(v)	nghĩa là
→ meaning	(n)	ý nghĩa
2/ mother tongue	(n)	tiếng mẹ đẻ
= first language		
3/ learn sth by heart	(exp)	học thuộc lòng
4/ instead	(adv)	thay vào đó
5/ stick	(v)	dán, dính
6/ come across (phr.v)		tình cờ thấy
7/ underline	(v)	gạch dưới
8/ highlight	(v)	làm nổi bật
9/ revise	(v)	ôn lại
→ revision	(n)	sự ôn lại
10/ need	(v)	cần phải
→ necessary	(a)	cần thiết
→ necessity	(n)	sự cần thiết

GRAMMAR

I/ IN ORDER TO / SO AS TO + V (để mà)

- in order to +V = so as to +V

- in order **not** to +V= so as **not** to +V (**khi về sau có not**)

Ex:

1/We arrived home early so that we could meet our aunt.

We arrived home early so to meet our aunt.

2/Mai always learns her lesson by heart so that she gets good marks.

Mai always learns her lesson by heart in order to get good marks.

3/He gets up early.He wants to go jogging in the park.

He gets up early so as to go jogging in the park.

4/We learn hard so that we won't fail the test.

We learn hard in order not to fail the test.

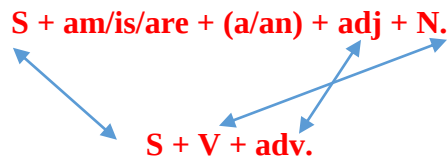
5/She gets up early.She doesn't miss the train.

She gets up early so as not to miss the train.

6/My son will try his best this semester. He won't get bad marks.

My son will try his best this semester in order not to get bad narks.

II/



NOTE :

- **ADJ + LY = ADV**

Exception : -fast, hard ,early, late (adj/adv) , good(adj)→well(adv)

Ex:

-careful + ly → carefully

-quick + ly → quickly

- **V + ER = N**

Ex:

-teach + er → teacher

-run + er → runner

_ is/are→ có a/an

_are→ Ns

1/Mai is a bad worker.

→Mai works badly.

2/Tuan is a good tennis player.

→Tuan plays tennis well.

3/They are slow swimmers.

→They swim slowly.

4/Loan is a skillful painter.

→Loan paints skillfully.

5/Loan drives very carelessly.

→Loan is a careless driver.

6/Tom runs fast.

→Tom is a fast runner .

7/She dances ballet beautifully.

→She is a beautiful ballet dancer.

8/We study French well.

→We are good French students.

Bài ghi vở tuần 8 :

LISTEN AND READ

1/True or false

1.FALSE 2.TRUE 3.FALSE 4.TRUE 5.FALSE 6.TRUE

a/ =>Tim was in the living-room when his mother called him.

c/ =>Tim's report card is excellent.

e/ =>Tim needs to improve his Spanish pronunciation.

2. Answer the questions.

a) Miss Jackson/ She is Tim's teacher.

b) She gave Tim's mother his report card.

c) He studied very hard.

d) She said that Tim/ he should work harder on his Spanish pronunciation.

e) She gave him a dictionary.

READ

1. True or false

1.FALSE 2.TRUE 3.FALSE 4.TRUE

a/=>Some language learners write the meaning of new words in their mother tongue.

c/=>Many learners do not try to learn all new words they come across.

2. Answer the questions.

a) No, they don't. They learn words in different ways.

b) To remember words better, some learners write example sentences with new words to remember how to use the word in the right way.

c) They write each word and its use on a small piece of paper and stick it somewhere in their house so as to learn it at any time.

d) Because they only want to learn important words.

e) Revision is necessary in learning words.

f) Learners should try different ways of learning words to find out what is the best.

BÀI SỬA TUẦN 7

I. CHOOSE THE BEST ANSWER

1. Her father soon died_____a broken heart. (**of** / to / for / from)
2. Yesterday we watched TV all evening _____ we didn't have anything to do. (**because** / while / so / when)
3. Stout Nut's mother was very cruel _____ Little Pea.(**to** / for / with / of)
4. Children are very excited about_____some days off. (have / **having** / to have / had)
5. She was very _____in old folktales. (interest / **interested** / interesting / uninteresting)
6. My mother_____a long black hair when she was young. (has / would have / was having / **used to have**)
7. We _____to Ireland for our holiday last year. (go / are going / **went** / gone)
8. My grandfather often wears_____clothes on the Tet holiday. (same / **traditional** / magical / normal)
9. We are _____about the holidays. (**excited** / upset / interested / able)
10. Would you like to participate in the_____in Hue next week? (temple / **festival** / activity / holiday)
11. Cinderella was very happy with the_____of the fairy. (escape / disappearance / **appearance** / luck)
12. _____ is a story passed on in spoken form from one generation to the next.
(Novel / Comic / **Folktale** / Book)
13. These shoes look very tight. Do they really_____you? (match / **fit** / go with / measure)
14. She tells stories to the children _____before they go to bed.

(**at night** / in the night / in very night / at every night)

15. My father will have a meeting _____ 7 p.m. to 10p.m. (between / at / **from** / on)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence

1. I / look after / and sisters / used to / my younger brothers / . //

I used to look after my younger brothers and sisters.

2. tale / The best / The lost shoe / was / . //

The lost tale was the lost shoe.

3. to find / It / gold / difficult / is / . //

It is difficult to find gold.

4. broken heart / My father / died / of a / soon / . //

My father soon died of a broken heart .

5. a girl / The prince / from the village / wanted / to choose / . //

The prince wanted to choose a girl from the village.

III. WORD FORM

- | | |
|---|-------------------|
| 1. You should learn how to use electricity _____. | (safely) |
| 2. They are very _____ about the match. | (excited) |
| 3. The film is _____ . | (exciting) |
| 4. Don't put a knife into _____ sockets. | (electrical) |
| 5. Alice and Jack live _____ on a farm. | (happily) |
| 6. The Lost Shoe is one of the _____ stories. | (traditional) |
| 7. Don't be foolish and _____ . | (greedy) |
| 8. _____ is very important in our modern life. | (electricity) |
| 9. _____ , nobody helped the poor man. | (unfortunately) |
| 10. Her father soon died of a _____ heart. | (broken) |

IV. Rewrite the second sentence so that it has the same meaning

- I gave up smoking 10 years ago.
→ I used to give up smoking 10 years ago.
- I never made so many mistakes.
→ I never used to make so many mistakes.
- Tom was a good employee and worked hard.
→ Tom used to be a good employee and work hard.
- There was a cinema here but it was closed a few years ago.
→ There used to be a cinema here.
- He no longer comes to class late.
→ He used to come to class late.
- Playing chess was my hobby when I was a small boy.

- I used to play chess when I was a small boy.
7. There aren't small houses in the town.
- The town used to have small houses.
8. Children often made noise but they don't do any more.
- Children used to make noise.
9. My mother doesn't work in this company any longer.
- My mother used to work in this company.
10. Mary doesn't spend money as much as she used to.
- Mary used to spend much money.

MỌI THẮC MẮC PHHS LIÊN HỆ CÔ NGUYỆT ÁNH -SDT : 0937003769

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 8 (từ 25 /10 đến 30/10)

WEEK 8 (period 22-23-24)

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 8-ANH 8

I. CHOOSE THE BEST ANSWER

1. His parents are always proud _____ him. (about / of/ on / with)
2. I know you worked really _____ this semester. (hardly / good / bad / hard)
3. Can I use your _____? I don't understand this word. (dictionary / report / semester / list)
4. He can _____ his pronunciation after spending some months in Australia. (learn / revise / find out / improve)
5. Students usually receive their _____ after every semester. (marks / grades / report cards / report books)
6. Tim had problems with Spanish _____, because some of Spanish sounds are really hard. (vocabulary / grammar / pronunciation / spelling)
7. Our school year in our country has two _____. (parts / semesters / half / months)
8. His pronunciation is not good, so he should _____ it. (believe/ make improve/ need)
9. He promised to _____ his best next semester. (work / make / try / give)
10. Language _____ learn new words in different ways. (students/ learners/ workers/ writers)
11. I was born in Viet Nam. Vietnamese is my _____. (mother tongue / second language / foreign language / first tongue)
12. He _____ a piece of paper on the wall to remember the words better. (ties / decides / sticks / cooks)
13. Some learners make a list of new words in their _____. (languages / explanation / mother tongue / translation)
14. Some people do not try to learn all new words they _____. (come into / get into / got across / come across)
15. They usually underline or _____ only the words they want to learn. (light / in-light / highlight / light-out)
16. Remember, _____ is necessary. You have to learn them again the next day. (repetition / rephrase / represent / revision)
17. Try to learn these new words _____. (by heart / on way / come across / in use)
18. They also write _____ sentences to show how the words are used in the right way. (example / correct / model / sample)
19. There are different _____ of learning new words. (methods / ways / processes / all are correct)
20. To remember the words you've learnt, you have to _____. (rewrite / replace / revise / repeat)

II. WORD FORM

1. His _____ of this word is correct. (pronounce)
2. I'm very happy to hear you had an _____ summer holiday. (enjoy)
3. Miss Hoa _____ us Math last semester. (teacher)
4. Read a through the passage and _____ any words you don't understand. (line)
5. They take _____ in their excellent performance. (proud)
6. Jack was very _____ with his good marks in his test. (please)
7. Studying history is _____ to promote the love for our country. (importance)
8. Please explain the _____ of this sentence to me! (mean)
9. I'll try my _____ to improve my English. (good)
10. Language _____ learn words in different ways. (learn)

III/ REARRANGEMENT

1. new / important. / Many / learn / that / are / learners / only / words //

2. semester. / you / really / I / hard / know / worked / this //

3.this dictionary . / me to / She asked / give / you //

4.the same number/ There are / of learning / also different ways / of words . //

5.they come across . / Many language learners / to learn all / do not try / new words //
